

BỘ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /20...../TT-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

THÔNG TƯ

DỰ THẢO

**Ban hành hướng dẫn việc sinh trong cung cấp nước sạch, vệ sinh
nguồn nước sinh hoạt**

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư ban hành hướng dẫn việc vệ sinh trong cung cấp nước sạch, vệ sinh nguồn nước sinh hoạt.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về việc kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại cơ quan, đơn vị, khu chung cư, khu tập thể, bệnh viện, trường học, doanh nghiệp, khu ký túc xá, khu thương mại dịch vụ khu vực có bể chứa nước tập trung (gọi tắt là đơn vị) và vệ sinh tại cơ sở cung cấp nước

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị và cơ sở cung cấp nước sạch.

Điều 3: Giải thích từ ngữ

Cơ quan quản lý nhà nước: là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý việc cung cấp nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Ban quản lý khu chung cư là đơn vị quản lý, vận hành nhà chung cư được Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản xét duyệt và đăng tải văn bản thông báo đủ điều kiện được quản lý vận hành nhà chung cư trên Cổng thông tin điện tử của Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản và của Bộ Xây dựng để làm cơ sở cho hội nghị nhà chung cư tham khảo, quyết định lựa chọn.

Ban quản lý khu ký túc xá

Ban quản lý khu thương mại dịch vụ

Cơ quan, đơn vị có bể chứa nước tập trung

Điều 4. Quy định về kiểm tra, giám sát vệ sinh chất lượng nước của cơ sở cung cấp nước

1. Kiểm tra vệ sinh ngoại cảnh

a) Phạm vi kiểm tra: toàn bộ bên trong tường rào bảo vệ của cơ sở cung cấp nước.

b) Nội dung kiểm tra:

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải, rác thải;
- Các công trình vệ sinh: tình trạng hợp vệ sinh của các nhà tiêu (nhà vệ sinh).

c) Phương pháp đánh giá: điền thông tin theo Phiếu nội kiểm vệ sinh, chất lượng nước quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Kiểm tra vệ sinh hệ thống sản xuất nước của cơ sở cung cấp nước

a) Phạm vi kiểm tra: toàn bộ hệ thống sản xuất nước.

b) Nội dung kiểm tra:

- Các bể, bồn, hồ chứa nước nguyên liệu, nước thành phẩm;
- Các trạm bơm nước;
- Hệ thống khử sắt, mangan;
- Bể keo tụ, bể lắng, bể lọc và bể chứa sau xử lý;
- Hệ thống khử trùng;
- Kho hoá chất để xử lý nước: loại, tên, nguồn gốc, giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận hóa chất được dùng để khử khuẩn nước ăn uống, nước sinh hoạt (đối với hóa chất khử khuẩn) do cơ quan có thẩm quyền cấp; tình hình bảo quản; hạn sử dụng; cách sử dụng; số lượng dự trữ; sổ theo dõi tình hình sử dụng hóa chất;
- Bộ phận pha chế hoá chất xử lý;
- Trang bị bảo hộ lao động, cá nhân theo quy định của pháp luật về an toàn lao động.

c) Phương pháp đánh giá: điền thông tin theo Phiếu nội kiểm vệ sinh, chất lượng nước quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Quy định về kiểm tra, giám sát vệ sinh chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại cơ quan, đơn vị, khu chung cư, khu tập thể, bệnh viện, trường học, doanh nghiệp, khu ký túc xá, khu thương mại dịch vụ khu vực có bể chứa nước tập trung

Kiểm tra vệ sinh ngoại cảnh khu vực bể chứa nước tập trung, hệ thống sản xuất nước (nếu có) và hệ thống phân phối nước cục bộ tại cơ quan, đơn vị, khu chung cư, khu tập thể, bệnh viện, trường học, doanh nghiệp, khu ký túc xá, khu thương mại dịch vụ.

a) Phạm vi kiểm tra: toàn bộ khu vực ngoại cảnh xung quanh bể chứa nước tập trung và hệ thống sản xuất nước (nếu có) và hệ thống phân phối nước cục bộ tại khu chung cư, khu ký túc xá, khu thương mại dịch vụ.

b) Nội dung kiểm tra:

- Hệ thống xử lý nước sạch (nếu có) có được thau rửa và bảo dưỡng định kỳ của hệ thống.

- Việc thau rửa định kỳ các bể chứa nước sạch và các bể lưu trữ nước trên mái nhà.

- Nắp bể chứa, lưới chắn côn trùng và khóa an toàn cho các bể chứa nước.

- Kho hoá chất để xử lý nước (nếu có): loại, tên, nguồn gốc, giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận hóa chất được dùng để khử khuẩn nước ăn uống, nước sinh hoạt (đối với hóa chất khử khuẩn) do cơ quan có thẩm quyền cấp; tình hình bảo quản; hạn sử dụng; cách sử dụng; số lượng dự trữ; sổ theo dõi tình hình sử dụng hóa chất;

2. Số lượng và vị trí lấy mẫu nước xét nghiệm

Các cơ quan, đơn vị, khu chung cư, khu tập thể, bệnh viện, trường học, doanh nghiệp, khu vực có bể chứa nước tập trung: lấy ít nhất 02 mẫu gồm 01 mẫu tại bể chứa nước tập trung và 01 mẫu ngẫu nhiên tại vòi sử dụng. Nếu có từ 02 bể chứa nước tập trung trở lên thì mỗi bể lấy ít nhất 01 mẫu tại bể và 01 mẫu ngẫu nhiên tại vòi sử dụng.

Trong trường hợp có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước, tình hình dịch bệnh: có thể tăng số lượng mẫu nước lấy tại các vị trí khác nhau để thử nghiệm

3. Tần suất và chỉ tiêu xét nghiệm

Các cơ quan, đơn vị, khu chung cư, khu tập thể, bệnh viện, trường học, doanh nghiệp, khu vực có bể chứa nước tập trung thực hiện việc tự kiểm tra chất lượng nước sạch theo quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tương ứng.

Kiểm tra định kỳ 01 lần/năm do cơ quan quản lý nhà nước chịu trách nhiệm thực hiện.

Kiểm tra đột xuất: Khi nghi ngờ về chất lượng nước thông qua báo cáo của các đơn vị, khi có sự cố về môi trường có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước sạch, khi xuất hiện rủi ro trong quá trình sản xuất có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước sạch, khi có phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về chất lượng nước hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý.

4. Quy định về hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước sạch tại các đơn vị.

Các cơ quan, đơn vị, khu chung cư, khu tập thể, bệnh viện, trường học, doanh nghiệp, khu ký túc xá, khu thương mại dịch vụ khu vực có bể chứa nước tập trung chịu trách nhiệm lập và quản lý hồ sơ theo dõi vệ sinh chất lượng nước gồm:

- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt mà đơn vị sử dụng.

- Các kết quả thử nghiệm thông số chất lượng nước sạch định kỳ, đột xuất.
- Các hồ sơ về hóa chất sử dụng trong quá trình sử dụng (nếu có).
- Báo cáo biện pháp khắc phục các sự cố liên quan đến chất lượng nước sạch.
- Công khai thông tin về chất lượng nước sạch.
- Các báo cáo kết quả thử nghiệm chất lượng nước sạch định kỳ, đột xuất gửi cho Trung tâm y tế huyện/TP.

Điều 6. Quy định về chế độ thông tin, báo cáo chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại đơn vị

1. Thông tin về chất lượng nước:

Kết quả thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch phải được đơn vị công khai trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày có kết quả trên trang thông tin điện tử của đơn vị (trường hợp không có trang thông tin điện tử, đơn vị phải dán thông báo trước bảng tin của đơn vị) các nội dung sau:

- Tổng số mẫu nước thử nghiệm và các vị trí lấy mẫu.
- Các thông số và kết quả thử nghiệm cụ thể của từng mẫu nước.
- Biện pháp và thời gian khắc phục các thông số không đạt Quy chuẩn.

2. Báo cáo về chất lượng nước:

Báo cáo kết quả thử nghiệm chất lượng nước sạch hằng quý cho Trung tâm y tế huyện, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh theo Mẫu số 05, Mẫu số 06 của phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành: Quy định về hiệu lực của Thông tư

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày / /20....

2. Thông tư này quy định các nội dung hướng dẫn bảo đảm về vệ sinh, chất lượng nước tại cơ sở cấp nước và các khu chung cư, khu ký túc xá, khu thương mại dịch vụ.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Quản lý môi trường y tế - Bộ Y tế có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này trên phạm vi toàn quốc.

2. Các Viện chuyên ngành thuộc Bộ Y tế có trách nhiệm:

a) Thực hiện kiểm tra, hướng dẫn về vệ sinh, chất lượng nước tại các đơn vị khi có yêu cầu của Bộ Y tế.

b) Hỗ trợ kỹ thuật cho các tỉnh, thành phố trong địa bàn trong quá trình triển khai các nội dung của Thông tư.

c) Bổ sung các nội dung này trong các báo cáo theo quy định của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

4. Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai việc thực hiện Thông tư này trên địa bàn phụ trách.

b) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện việc phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát vệ sinh, chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo Thông tư này trên địa bàn phụ trách.

d) Xây dựng kế hoạch, bảo đảm nhân lực, trang thiết bị và bố trí kinh phí (trong ngân sách hằng năm) cho việc thực hiện kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch các đơn vị trên địa bàn tỉnh, thành phố.

5. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các Trung tâm Y tế huyện thực hiện ngoại kiểm định kỳ, đột xuất chất lượng nước của các đơn vị có bể chứa tập trung trên địa bàn.

b) Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hằng năm cho việc tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra chất lượng nước sạch.

c) Bổ sung nội dung này vào báo cáo bằng văn bản định kỳ theo quy định tại Thông tư 41/2018/TT-BYT.

6. Trung tâm Y tế huyện có trách nhiệm:

a) Thực hiện ngoại kiểm định kỳ, đột xuất chất lượng nước sạch của tất cả các đơn vị có khu vực bể chứa tập trung trên địa bàn

b) Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hằng năm cho việc tổ chức thực hiện các hoạt động kiểm tra chất lượng nước sạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Bổ sung nội dung này vào báo cáo bằng văn bản định kỳ theo quy định tại Thông tư 41/2018/TT-BYT.

7. Đơn vị có bể chứa nước tập trung có trách nhiệm:

a) Thực hiện các quy định của Thông tư này.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đảm bảo vệ sinh và chất lượng nước sạch do đơn vị cung cấp.

c) Lưu trữ và quản lý hồ sơ theo dõi về chất lượng nước sạch

d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

e) Báo cáo kết quả thử nghiệm chất lượng nước sạch hằng quý cho Trung tâm y tế huyện/TP theo Mẫu số 05 của phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Các ông bà Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo, Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, các Vụ, Cục có liên quan, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Y tế để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban về CVĐXH của Quốc hội (để giám sát);
- Văn phòng Chính phủ; (Công báo, Vụ KGVX, Công TTĐT Chính phủ);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- BT. Nguyễn Thị Kim Tiến (để báo cáo);
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các thứ trưởng (để biết);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;
- Y tế các bộ, ngành;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, TTra Bộ, VP Bộ;
- Công TTĐT Bộ Y tế;
- Lưu: VT, PC, MT (03b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Xuân Tuyên

Phụ lục số 02

*(Ban hành kèm theo Thông tư số/20..../TT-BYT
ngày tháng năm 20..... của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

Tên đơn vị có bể chứa nước tập trung

PHIẾU NỘI KIỂM VỆ SINH, CHẤT LƯỢNG NƯỚC

(Dành cho cơ sở cung cấp nước tự kiểm tra và lưu hồ sơ theo dõi, quản lý vệ sinh, chất lượng nước của cơ sở cung cấp nước)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Thời gian kiểm tra: ngày..... tháng năm
2. Người kiểm tra:.....
3. Số mẫu và vị trí lấy mẫu làm xét nghiệm *(nếu có)*

.....
.....

B. NỘI DUNG KIỂM TRA

I. Vệ sinh ngoại cảnh đơn vị:

.....
.....
.....
.....

II. Vệ sinh hệ thống sản xuất nước:

1. Bể/hồ chứa nước nguyên liệu:

.....
.....

2. Các trạm bơm nước thô:

.....
.....

3. Hệ thống khử sắt, mangan:

.....
.....

4. Bể keo tụ và lắng:

.....
.....

5. Bể lọc:

.....
.....
6. Hệ thống khử trùng (bao gồm bộ phận pha chế và châm hoá chất xử lý; tên hoá chất được sử dụng, liều lượng dùng, hạn sử dụng; thời gian tiếp xúc; bộ điều tiết; khuấy trộn...):

.....
.....
7. Kho hóa chất để xử lý nước (loại, tên, nguồn gốc, số đăng ký, tình hình bảo quản, hạn sử dụng, cách sử dụng, số lượng dự trữ, số theo dõi tình hình sử dụng hóa chất):

.....
.....
8. Thiết bị phòng hộ khi có sự cố

.....
.....
9. Bể chứa sau xử lý:

.....
C. KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM NƯỚC TẠI CHỖ

<i>Các chỉ tiêu</i> <i>Mã số mẫu,</i> <i>vị trí lấy mẫu</i>	<i>pH</i>	<i>Độ đục</i> <i>(NTU)</i>	<i>Clo dư</i> <i>(mg/l)</i>	<i>.....</i>	<i>Đánh giá</i> <i>(đạt/không</i> <i>đạt)</i>
<i>Giá trị giới hạn theo quy định</i> <i>hiện hành</i>	6,5 - 8,5	≤ 2	0,3 - 0,5		
	6,0 - 8,5	≤ 5	0,3 - 0,5		

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC

.....
.....
.....
.....
Đ. KẾT LUẬN:

.....
.....
.....

....., ngày tháng năm

Người kiểm tra

(ký, ghi rõ họ tên)

.....